TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 439/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11/7/2019
V/v tranh chấp "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thanh Nga.

2. Ông Huỳnh Văn Phát.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Mai Ánh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Mai Hương- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 47/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Anh T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị K.H, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số X, đường L, phường H, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 01 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơnông Đỗ Anh T trình bày:

Năm 2011, ông T và bà Nguyễn Thị K.H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường H, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, ông T và bà H thường xuyên bất đồng quan điểm, không còn quan tâm, chăm sóc, sống ly thân khoảng 05 năm. Năm 2018 ông T đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án, nhưng rút đơn khởi kiện. Ông T đã suy nghĩ kỹ khi nộp đơn ly hôn lần 2. Vì giữa ông và bà H không có cơ hội hàn gắn.

Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, để ổn định cuộc sống cho hai người, ông T xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị K.H.

Về con chung: có 01 con tên Đỗ Anh M, sinh ngày 10/11/2012. Ông T có nguyên vọng trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: ông T khai không có.

Ngày 05/6/2019 ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu đã trình bày.

Ông T khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ trên, nguyên đơn không còn chứng cứ nào khác để cung cấp cho Toà án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị K.H không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà H vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56,58, 81,82,83,84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đỗ Anh T; về con chung: giao trẻ Đỗ Anh M cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận việc ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu của ông Đỗ Anh T về việc ly hôn với bà Nguyễn Thị K.H, các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự, có cơ sở xác định ông T và bà H tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Đỗ Anh T xin ly hôn bà Nguyễn Thị K.H, do bà H thường trú tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bà Nguyễn Thị K.H là bị đơn tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bà H vắng mặt, nguyên đơn ông T có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 108, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân Phường H, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/11/2011, có cơ sở xác

định quan hệ hôn nhân giữa ông Đỗ Anh T và bà Nguyễn Thị K.H là hợp pháp. Theo ông T trình bày, trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hai bên không tìm được tiếng nói chung là nguyên nhân chính làm cho cuộc sống vợ chồng không thể hạnh phúc. Ông T vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà H.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Hai bên phải cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng bà H không đến Tòa trình bày nguyên nhân, những giải pháp tích cực để gia đình đoàn tụ.

Ông T thì kiên quyết ly hôn, dù trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải và động viên nhiều lần nhưng tại phiên tòa, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Căn cứ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình số 1202/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, ông T nộp và rút đơn khởi kiện để giữa ông và bà H có thời gian hàn gắn. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn. Ông T tiếp tục nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà H.

Căn cứ công văn số 01/HPN ngày 12/6/2019 của Ban thường vụ Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Phường 2 về việc trả lời văn bản số 310/2019/TAPN cho Tòa án quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nội dung như sau:

"Hiện ông Đỗ Anh T và bà Nguyễn Thị K.H cùng cư ngụ tại số X, đường L, phường H, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh nhưng 02 người ở riêng phòng, bé Đỗ Anh M, sinh ngày 10/11/2012 do chị Nguyễn Thị K.H chăm sóc.

Do có mâu thuẫn trong đời sống tình cảm vợ chồng nên ông Đỗ Anh T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị K.H.

Qua tiếp xúc, bà Nguyễn Thị K.H đồng ý ly hôn với ông T, ông T muốn làm gì thì làm, bà H không muốn ồn ào và sẽ không có mặt tại Tòa án khi có triệu tập."

Nhận thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà H ngày càng nghiêm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn sự yêu thương, tôn trọng và mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đôi bên không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu xin ly hôn của ông T là có căn cứ.

- Về con chung: Có một con tên Đỗ Anh M, sinh ngày 10/11/2012. Ông T yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn. Bà H không đến Tòa án, cũng không có văn bản về việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy vì quyền lợi của trẻ Minh nên việc giao trẻ Minh cho ông T trực tiếp nuôi là có cơ sở chấp nhận.

Ghi nhận việc ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Trong suốt quá trình thụ lý và giải quyết, ông T khai không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về tố tụng và đề nghị về nội dung có cơ sở chấp nhận.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: ông T chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51; 53; 56; 58; 68; 71; 81, 82; 83; 84; 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Anh T.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Đỗ Anh T ly hôn với bà Nguyễn Thị K.H.

- Về con chung: Có một con tên Đỗ Anh M, sinh ngày 10/11/2012.

Giao trẻ Đỗ Anh M cho ông Đỗ Anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến đủ 18 tuổi.

Ghi nhận việc ông Đỗ Anh T không yêu cầu bà Nguyễn Thị K.H cấp dưỡng nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ của ông T và bà H đối với con chưa thành niên được pháp luật bảo đảm. Vì lợi ích của trẻ, việc trực tiếp nuôi con và đóng góp cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, nợ chung: ông T tự khai không có.

2/ Án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông T chịu, được trừ số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng ông T tạm nộp theo biên lai thu số 0041527 ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Kim Phụng